

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 20/2025/DS-ST

Ngày: 12- 3 – 2025

“V/v tranh chấp hợp đồng góp hội”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Phi Hùng
Ông Trần Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án thụ lý số: 181/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024, về việc “tranh chấp hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Văn C, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã TLB, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Huỳnh Tô T - là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt)

- Bị đơn: Ông Hồ Văn H, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú tại: Ấp 2, xã TLB, huyện TB, tỉnh Cà Mau.
tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thu B, sinh năm 1965 (có mặt). Địa chỉ cư trú tại: Ấp 2, xã TLB, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Võ Văn C trình bày tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa:

Vào thời gian từ năm 2019 đến năm 2021 ông và vợ là bà Huỳnh Thu B có thành lập tổ H vốn (mở hội) với nhiều dây hội khác nhau. Do mối quan hệ là hàng xóm nên vợ chồng ông Hồ Văn H và bà Huỳnh Thị L có tham gia 04 dây hội cụ thể:

Dây thứ nhất: Mở hội ngày 15/8/2019 (âm lịch), loại hội 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, dây hội này gồm có 34 chung, trong đó ông H, bà L tham gia

01 chung. Dây hụi này ông H và bà L hốt hụi ở kỳ thứ 7 vào tháng 3/2020 với số tiền là 47.450.000 đồng, hụi này tới tháng 5/2022 mãn, đóng hụi chết được 15 kỳ còn nợ lại 12 kỳ với số tiền là 24.000.000 đồng.

Dây thứ hai: Loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, mở hụi ngày 03/8/2020 (âm lịch), dây hụi này gồm có 29 chung hụi, trong đó ông H, và bà L tham gia 01 chung, đã hốt kỳ thứ 8 vào tháng 3/2021 với số tiền 41.980.000 đồng, hụi này tháng 12/2022 mãn, đã đóng hụi chết được 5 kỳ còn nợ lại 16 kỳ với số tiền là 32.000.000 đồng.

Dây thứ ba: Loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, mở hụi ngày 26/01/2021 (âm lịch), dây hụi này gồm có 28 chung hụi, trong đó ông H bà L tham gia 01 chung. Dây hụi này ông H, bà L hốt kỳ thứ 4 vào tháng 5/2021, hốt được số tiền 37.400.000 đồng, hụi tới tháng 5/2023 mãn, đã đóng hụi chết được 2 kỳ còn nợ lại 22 kỳ với số tiền 44.000.000 đồng

Dây thứ tư: Loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, mở hụi ngày 30/02/2020 âm lịch, dây hụi này gồm có 31 chung hụi, trong đó ông H bà L tham gia 01 chung. Dây này H, L hốt kỳ thứ 1 vào tháng 3/2020 được số tiền 19.600.000 đồng, hụi tới tháng 7/2022 mãn, đã đóng hụi chết được 12 kỳ còn nợ lại 18 kỳ với số tiền 18.000.000 đồng.

Các dây hụi trên khi ông H và bà L hốt hụi ông và bà B đều đã giao đủ tiền hụi cho ông H và bà L nhưng khi hốt hụi xong thì ông H và bà L không đóng hụi chết cho vợ chồng ông và đến tháng 4 năm 2022 hai bên có làm B ên nhận chốt lại nợ hụi chết còn lại là 118.500.000 đồng, trong đó gồm 118.000.000 đồng của 4 dây hụi trên và 500.000 đồng nợ cũ trước đây. Sau khi chốt nợ hụi thì phía ông H có thanh toán được nhiều lần với số tiền 21.000.000 đồng. Nên nay phía ông H và bà L còn nợ lại 97.500.000 đồng. Ông yêu cầu ông H và bà L thanh toán cho vợ chồng ông tổng số tiền nợ là 97.500.000 đồng.

- Bị đơn ông Hồ Văn H trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Vợ chồng ông thừa nhận có tham gia 04 chân hụi của 04 dây hụi do bà Huỳnh Thu B và ông Võ Văn C có làm chủ hụi đúng như phía ông C và bà B trình bày như sau: Dây thứ nhất: Loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, mở hụi ngày 15/8/2019 (âm lịch), dây hụi này gồm có 34 chân hụi, trong đó vợ chồng tôi tham gia 01 chân. Dây hụi này đã hốt kỳ thứ 7 vào tháng 3/2020, hụi này tới tháng 5/2022 mãn. Dây thứ hai: Loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, mở hụi ngày 03/8/2020 (âm lịch), dây hụi này gồm có 29 chân hụi, trong đó vợ chồng tôi tham gia 01 chân, đã hốt kỳ thứ 8 vào tháng 3/2021, hụi này tháng 12/2022 mãn. Dây thứ ba: Loại hụi 2.000.000đ đồng, mỗi tháng khui một lần, mở hụi ngày 26/01/2021 (âm lịch), dây hụi này gồm có 28 chân hụi, trong đó vợ chồng ông tham gia 01 chân. Dây này đã hốt kỳ thứ 4 vào tháng 5/2021, hụi tới tháng 5/2023 mãn. Dây thứ tư: Loại hụi 1.000.000đ, mỗi tháng khui một lần, mở hụi ngày 30/02/2020 (âm lịch), dây hụi này gồm có 31 chân hụi, trong đó vợ chồng ông tham gia 01 chân. Dây hụi này vợ chồng ông hốt kỳ thứ nhất vào tháng 3/2020, hụi tới tháng 7/2022 mãn. Tổng số tiền hốt hụi ở các kỳ hụi đúng như nguyên đơn trình bày.

Sau khi hốt hụi vợ chồng ông còn nợ lại hụi chết của ông C và bà B nên tháng 4 năm 2022 ông có ký đối chiếu nợ hụi còn lại nhưng ký chốt nợ với số tiền 110.000.000 đồng, không phải 118.500.000 đồng như phía nguyên đơn trình bày. Từ sau khi đối chiếu nợ phía vợ chồng ông đã thanh toán cho nguyên đơn 21.500.000 đồng và trừ thêm chung hụi ở dây thứ 3 mà vợ chồng ông hốt hụi

nhưng phía ông C bà B không chung hụi là 37.400.000 đồng. Ngoài ra, ông và bà L còn tham gia hai dây hụi do ông C và bà B làm chủ, hụi ghi tên ông H nhưng là do vợ chồng ông tham gia dùm người em gái tên Huỳnh Thị Muội. Dây hụi 1.000.000 đồng và dây hụi 2.000.000 đồng. Hụi mở ngày tháng nào ông không nhớ, ông chỉ nhớ khi ông C, bà B dùng hụi, 02 chân hụi này còn sống nên bà B, ông C có đối trừ nợ cho vợ chồng ông là 33.500.000 đồng. Nên nay vợ chồng ông chỉ còn nợ lại ông C, bà B số tiền là 17.600.000 đồng.

Bà Huỳnh Thu B trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông C không bổ sung gì thêm.

Bà Huỳnh Thị L trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông H không bổ sung gì thêm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự, các Điều 15, 16, 18, 19 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 19 tháng 02 năm 2019. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền hụi còn nợ là 97.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và loại việc các bên tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ góp hụi nên tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng góp hụi (họ). Bị đơn có địa chỉ cư trú xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Hồ Văn H và bà Huỳnh Thị L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng tại phiên tòa hôm nay vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[3] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên và bị đơn đặt ra được xác định là giao dịch về hụi. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khai bị đơn có tham gia 04 dây hụi do nguyên đơn mở loại hụi 1.000.000 đồng và hụi 2.000.000 đồng. Cả 04 chân hụi này bị đơn ông Hồ Văn H và bà Huỳnh Thị L đều đã hốt, nhưng còn nợ lại hụi chết tính đến tháng 4/2022 hai bên có đối chiếu nợ là 118.500.000 đồng. Sau đó bị đơn đã thanh toán được cho nguyên đơn 21.000.000 đồng. Hiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 97.500.000 đồng. Bị đơn thừa nhận có nợ tiền hụi chết của nguyên đơn, nhưng chỉ nợ số tiền 17.600.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn có tham gia 04 chân hụi do nguyên đơn làm chủ là sự thật được các bên nguyên, bị đơn thừa nhận. Cả 04 chân hụi này bị đơn xác định đều đã hốt hụi và còn nợ lại hụi chết nhưng số tiền nợ hai bên xác định khác nhau. Bị đơn cho rằng khi đối chiếu nợ vào tháng 4/2022 chỉ còn nợ 110.000.000 đồng, nhưng tại B ên nhận đối chiếu nợ có chữ viết của bị đơn số tiền nợ là 118.500.000 đồng, hiện bị đơn cũng không có yêu cầu giám định chữ viết và thừa nhận đó là chữ viết của mình. Hơn nữa đối chiếu các dây hụi, thời gian hốt hụi của bị đơn và thời gian ngừng hụi là từ tháng 6/2021 thì số tiền hụi chết ở từng dây là phù hợp với chứng cứ và lời trình bày của nguyên đơn. Cho nên, có căn cứ xác định khi đối chiếu nợ bị đơn còn nợ nguyên đơn 118.500.000 đồng là có cơ sở. Sau khi đối chiếu nợ bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 21 lần với số tiền 21.000.000 đồng (có giấy theo dõi bị đơn cung cấp) cho nên đối trừ số tiền bị đơn đã thanh toán số nợ còn lại mà bị đơn chưa thanh toán là 97.500.000 đồng.

Bị đơn cho rằng đối với dây hui thứ 3 mở ngày 26/01/2021 (âm lịch) loại hui 2.000.000đ đồng, dây hui này bị đơn đã hốt ở kỳ thứ 4 vào tháng 5/2021, với số tiền 37.400.000 đồng nhưng phía nguyên đơn không giao tiền hui mà đối trừ hui chết mà bị đơn còn nợ. Đồng thời, bị đơn còn tham gia 02 chân hui, 01 chân 1.000.000 đồng và 01 chân 2.000.000 đồng đứng tên bị đơn nhưng thật chất là chơi dùm người em gái, nhưng không nhớ hui khai ngày, tháng, năm nào. Cả hai chân hui này khi nguyên đơn tuyên bố ngừng hui thì hui còn sống và được nguyên đơn đối trừ số tiền là 33.500.000 đồng. Lời trình bày này của bị đơn là hoàn toàn không có căn cứ.

Bởi lẽ, dây hui thứ 3 bị đơn hốt vào tháng 5/2021, nhưng sau đó đến tháng 4/2022 hai bên mới đối chiếu nợ, nếu đã đối trừ số tiền 37.400.000 đồng vào tháng 5/2021 thì không lý do gì khi đối chiếu nợ ông H thừa nhận còn nợ 110.000.000 đồng như ông H xác định. Đồng thời đối với 02 dây hui do ông H đứng tên tham gia dùm người em gái nhưng ông H không Bết rõ hui mở ngày tháng năm nào và bao nhiêu chân, nguyên đơn tuyên bố ngừng hui là thời gian nào? Nhưng có đối trừ được số tiền 33.500.000 đồng là không phù hợp. Bởi tại B ên bản hoà giải ngày 05/11/2024 và đơn trình bày ý kiến ngày 07/11/2024 bị đơn xác định còn nợ nguyên đơn 51.100.000 đồng, bị đơn không đề cập việc nguyên đơn và bị đơn có đối trừ số tiền 33.500.000 đồng này. Như vậy, lời trình bày của bị đơn trước sau không thống nhất thể hiện sự gian dối, trong khi nguyên đơn không thừa nhận có việc đối trừ nợ nói trên và bị đơn cũng không có giấy tờ hoặc chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình về việc đã đối trừ 03 chung hui với số tiền 70.900.000 đồng.

Vì vậy, từ những căn cứ và phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về lãi hui chậm thanh toán nguyên đơn không đặt ra yêu cầu bị đơn thanh toán nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí : Bị đơn có nghĩa vụ thực hiện việc thanh toán nợ cho nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật; nguyên đơn không phải chịu án phí, đã được xem xét miễn dự nộp tạm ứng án phí nên không đặt ra việc hoàn lại tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Hồ Văn H và bà Huỳnh Thị L liên đới thanh toán cho ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thu B tổng số tiền nợ hui là 97.500.000đ (*Chín mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông H bà L phải chịu 4.875.000 đồng (chưa nộp). Ông C đã được miễn dự nộp tạm ứng án phí vào ngày 02/10/2024 nên không đặt ra việc hoàn lại tạm ứng án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN
(Đã ký)**

Phạm Kim Cương